

Số: /BC-VPUB

Ninh Thuận, ngày tháng 02 năm 2025

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận tháng 01 năm 2025

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) theo thời gian thực trên môi trường điện tử (Bộ Chỉ số 766).

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 5137/UBND-PVHCC ngày 05/11/2024 về việc nâng cao kết quả đánh giá, xếp loại của tỉnh đối với Bộ chỉ số theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg. Qua tổng hợp, thống kê và phân tích các dữ liệu của Bộ chỉ số trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>). Số liệu được sử dụng làm căn cứ đánh giá, xếp loại tại thời điểm **ngày 03/02/2025** và sẽ thay đổi theo thời gian thực. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVCTT trên địa bàn tỉnh tháng 01 năm 2025 (theo 3 Phụ lục đính kèm), cụ thể như sau:

#### I. Các chỉ tiêu báo cáo theo Bộ Chỉ số 766:

Trong tháng 01/2025, tỉnh Ninh Thuận đạt 85,53 điểm, xếp hạng thứ **01/63** tỉnh, thành phố, tăng **12** hạng so với mốc số liệu tháng 12/2024 chỉ số của tỉnh đạt 80,7 điểm, xếp hạng thứ **13/63** tỉnh, thành phố.

#### 1. Về kết quả nhóm Chỉ số tổng hợp Bộ chỉ số 766 của UBND tỉnh.

TT	CHỈ SỐ	TỶ LỆ %	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
1	Điểm công khai minh bạch	100	18
2	Điểm dịch vụ công trực tuyến	48,55	10,73
3	Điểm mức độ hài lòng	100	18
4	Điểm số hóa hồ sơ	82,95	19,6
5	Điểm tiến độ giải quyết	96,15	19,2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>85,53</b>	<b>85,53</b>

## 2. Về kết quả tổng hợp Bộ chỉ số 766 của cấp Sở

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T12/2024	T01/2025	Tăng/Giảm	T12/2024	T01/2025	Tăng/Giảm
1	Sở Tư pháp	88,21	78,58	-9,63	10	11	-1
2	Sở Xây dựng	95,02	84,08	-10,94	1	6	-5
3	Sở Khoa học và CN	93,39	95,61	2,22	5	1	4
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	84,95	82,39	-2,56	14	7	7
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	87,00	79,61	-7,39	13	10	3
6	Sở Lao động, TB&XH	94,57	80,87	-13,70	2	8	-6
7	Sở Nội vụ	91,87	52,73	-39,14	7	14	-7
8	Sở Văn hóa, TT và DL	92,70	88,62	-4,08	6	3	3
9	Sở Tài chính	89,09	51,54	-37,55	8	15	-7
10	Sở Thông tin và TT	87,82	45,45	-42,37	11	16	-5
11	Sở Y tế	88,95	88,93	-0,03	9	2	7
12	Sở Công Thương	82,37	71,16	-11,21	15	12	3
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	77,65	80,26	2,61	16	9	7
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	94,13	87,77	-6,36	3	5	-2
15	Sở Giao thông Vận tải	87,82	68,72	-19,10	11	13	-2
16	Ban Quản lý các KCN	93,78	88,59	-5,19	4	4	0

### Kết quả của tháng 01/2025:

- Sở Khoa học và Công nghệ xếp **hạng 1** tăng 4 hạng, xếp loại xuất sắc;
- Sở Y tế xếp **hạng 2** tăng 7 hạng, xếp loại tốt;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp **hạng 3** tăng 3 hạng, xếp loại tốt.
- Sở Nội vụ **hạng 14** giảm 7 hạng (14/16), xếp loại trung bình.
- Sở Tài chính **hạng 15** giảm 7 hạng (15/16), xếp loại trung bình.
- Sở Thông tin và Truyền thông **hạng 16** giảm 5 hạng (16/16), xếp loại yếu.

## 3. Về kết quả tổng hợp Bộ chỉ số 766 của cấp huyện

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T12/2024	T01/2025	Tăng/Giảm	T12/2024	T01/2025	Tăng/Giảm
1	UBND thành phố PR-TC	85,67	85,42	-0,24	2	2	0
2	UBND huyện Ninh Hải	89,33	89,06	-0,28	1	1	0

3	UBND huyện Thuận Bắc	70,63	67,392	-3,24	5	7	-2
4	UBND huyện Thuận Nam	64,09	78,05	13,95	7	5	2
5	UBND huyện Bác Ái	85,13	83,18	-1,95	3	3	0
6	UBND huyện Ninh Sơn	77,67	72,97	-4,70	4	6	-2
7	UBND huyện Ninh Phước	66,83	80,75	13,92	6	4	2

### Kết quả của tháng 01/2025:

- UBND huyện Ninh Hải xếp **hạng 1** giữ nguyên hạng, xếp loại tốt;
- UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xếp **hạng 2**, giữ nguyên hạng, xếp loại tốt;
- UBND huyện Bác Ái xếp **hạng 3** giữ nguyên hạng, xếp loại tốt;
- UBND huyện Thuận Nam xếp **hạng 5** tăng 2 hạng (5/7), xếp loại khá;
- UBND huyện Ninh Sơn xếp **hạng 6** giảm 2 hạng (6/7), xếp loại khá;
- UBND huyện Thuận Bắc **hạng 7** giảm 2 hạng (7/7), xếp loại trung bình.

### 4. Về kết quả tổng hợp Bộ chỉ số 766 của cấp xã

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T12/2024	T01/2025	Tăng/ Giảm	T12/ 2024	T01/ 2025	Tăng/ Giảm
<b>I</b>	<b>UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm</b>						
1	UBND phường Đông Hải	71,88	78,66	6,78	47	37	10
2	UBND phường Văn Hải	89,22	85,49	-3,74	8	18	-10
3	UBND phường Mỹ Đông	74,5	73,48	-1,02	43	44	-1
4	UBND phường Đài Sơn	83,68	84,46	0,77	22	23	-1
5	UBND phường Phủ Hà	92,89	87,99	-4,90	4	9	-5
6	UBND phường Đô Vinh	81,78	81,32	-0,47	25	32	-7
7	UBND phường Mỹ Bình	85,2	77,64	-7,56	17	38	-21
8	UBND phường Kinh Dinh	94,51	89,13	-5,38	1	3	-2
9	UBND phường Bảo An	75,56	81,31	5,75	39	33	6
10	UBND xã Thành Hải	85,41	85,82	0,41	16	16	0
11	UBND phường Mỹ Hải	79,91	85,18	5,27	29	21	8
12	UBND phường Phước Mỹ	79,36	81,82	2,46	31	30	1
13	UBND phường Đạo Long	84,51	80,78	-3,73	18	34	-16
<b>II</b>	<b>UBND huyện Ninh Hải</b>						
1	UBND xã Phương Hải	83,57	84,21	0,64	23	24	-1

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T12/2024	T01/2025	Tăng/ Giảm	T12/ 2024	T01/ 2025	Tăng/ Giảm
2	UBND thị trấn Khánh Hải	88,75	87,91	-0,83	10	10	0
3	UBND xã Thanh Hải	82,47	89,26	6,79	24	2	22
4	UBND xã Nhơn Hải	89,38	88,25	-1,14	7	8	-1
5	UBND xã Xuân Hải	93,08	89,11	-3,97	3	4	-1
6	UBND xã Hộ Hải	94,26	86,13	-8,14	2	14	-12
7	UBND xã Tân Hải	89,1	85,87	-3,23	9	15	-6
8	UBND xã Tri Hải	87,4	87,07	-0,33	11	12	-1
9	UBND xã Vĩnh Hải	86,24	87,46	1,23	14	11	3
<b>III</b>	<b>UBND huyện Thuận Bắc</b>						
1	UBND xã Công Hải	85,53	88,4	2,83	15	7	8
2	UBND xã Lợi Hải	74,57	70,17	-4,40	42	55	-13
3	UBND xã Bắc Sơn	62,03	63,6	1,61	57	60	-3
4	UBND xã Bắc Phong	72,44	81,35	8,91	46	31	15
5	UBND xã Phước Chiến	56,37	67,5	11,11	60	59	1
6	UBND xã Phước Kháng	60,73	62,1	1,35	58	61	-3
<b>IV</b>	<b>UBND huyện Thuận Nam</b>						
1	UBND xã Phước Nam	68,43	71,23	2,80	52	50	2
2	UBND xã Phước Diêm	78,05	79,18	1,13	32	35	-3
3	UBND xã Phước Ninh	29,67	70,96	41,29	61	51	10
4	UBND xã Cà Ná	63,11	56,11	-7,00	56	62	-6
5	UBND xã Phước Minh	92,64	89,07	-3,57	5	5	0
6	UBND xã Nhị Hà	65,6	72,61	7,01	54	47	7
7	UBND xã Phước Dinh	84,06	83,43	-0,62	20	26	-6
8	UBND xã Phước Hà	67,93	86,19	18,26	53	13	40
<b>V</b>	<b>UBND huyện Bắc Ái</b>						
1	UBND xã Phước Trung	81,5	70,63	-10,87	26	53	-27
2	UBND xã Phước Chính	59,62	68,33	8,71	59	58	1
3	UBND xã Phước Tiến	86,55	76,52	-10,04	12	40	-28
4	UBND xã Phước Đại	86,29	84,87	-1,42	13	22	-9
5	UBND xã Phước Thành	78,04	73,94	-4,10	33	43	-10
6	UBND xã Phước Thắng	81,5	85,39	3,90	27	19	8

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T12/2024	T01/2025	Tăng/ Giảm	T12/ 2024	T01/ 2025	Tăng/ Giảm
7	UBND xã Phước Hòa	75,28	78,78	3,50	40	36	4
8	UBND xã Phước Tân	68,56	75,84	7,28	51	41	10
9	UBND xã Phước Bình	84,33	85,22	0,89	19	20	-1
<b>VI</b>	<b>UBND huyện Ninh Sơn</b>						
1	UBND xã Quảng Sơn	70,6	74,46	3,86	49	42	7
2	UBND xã Lương Sơn	75,22	76,98	1,76	41	39	2
3	UBND xã Nhơn Sơn	75,92	73,02	-2,91	37	46	-9
4	UBND thị trấn Tân Sơn	73,16	70,90	-2,26	45	52	-7
5	UBND xã Mỹ Sơn	76,3	73,15	-3,15	36	45	-9
6	UBND xã Lâm Sơn	76,94	70,35	-6,58	34	54	-20
7	UBND xã Ma Nởi	69,24	69,74	0,50	50	56	-6
8	UBND xã Hòa Sơn	83,93	72,08	-11,84	21	49	-28
<b>VII</b>	<b>UBND huyện Ninh Phước</b>						
1	UBND thị trấn Phước Dân	71,1	82,31	11,21	48	28	20
2	UBND xã Phước Thuận	79,43	82,83	3,41	30	27	3
3	UBND xã Phước Thái	75,65	85,76	10,11	38	17	21
4	UBND xã Phước Hữu	80,12	81,91	1,79	28	29	-1
5	UBND xã Phước Hậu	29,19	72,4	43,21	62	48	14
6	UBND xã Phước Hải	74,34	88,68	14,35	44	6	38
7	UBND xã An Hải	63,64	68,5	4,86	55	57	-2
8	UBND xã Phước Sơn	91,87	89,55	-2,32	6	1	5
9	UBND xã Phước Vinh	76,67	83,82	7,15	35	25	10

**Kết quả của tháng 01/2025:**

- UBND xã Phước Sơn xếp **hạng 1** tăng 5 hạng, xếp loại tốt;
- UBND xã Thanh Hải xếp **hạng 2** tăng 22 hạng, xếp loại tốt;
- UBND phường Kinh Dinh xếp **hạng 3** giảm 2 hạng, xếp loại tốt.
- UBND xã Bắc Sơn xếp **hạng 60** giảm 3 hạng (60/62), xếp loại trung bình;
- UBND xã Phước Kháng **hạng 61** giảm 3 hạng (61/62), xếp loại trung bình;
- UBND xã Cà Ná xếp **hạng 62** giảm 6 hạng (62/62), xếp loại trung bình.

**Trong đó:**

- Từ 90-100% xếp loại xuất sắc.
- Từ 80-90% xếp loại tốt.
- Từ 70-80% xếp loại khá.
- Từ 50-70% xếp loại trung bình.
- Dưới 50% xếp loại yếu.

## **II. Giải pháp thực hiện cải cách TTHC trọng tâm tháng 02/2025.**

Để hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao về cải cách TTHC năm 2025, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Căn cứ Bảng tính điểm của Bộ chỉ số 766 (*do Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổng hợp*), đối soát với kết quả đạt được, kiểm tra nguyên nhân tồn tại, hạn chế, nghiên cứu các giải pháp, xây dựng lộ trình để tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách TTHC tại cơ quan, đơn vị và địa phương mình, bảo đảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao theo quy định.

2. Cần chú ý kiểm tra, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC theo quy định (*100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả đồng bộ hồ sơ TTHC trên Hệ thống*); tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ số hóa hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, **nhất là** Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (*cao nhất chỉ đạt được loại tốt*),... nhằm bảo đảm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Công văn số 5757/UBND-PVHCC ngày 06/12/2024.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

### **Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV, TCD;
- Lưu: VT, PVHCC. ct

**KT, CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Võ Minh Tâm**

## BẢNG TÍNH ĐIỂM CÁC NHÓM CHỈ SỐ

TT	Chỉ số	Điểm tối đa	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công khai, minh bạch</b>	<b>18</b>	
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính công bố đúng hạn	6	
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn	4	
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của TTHC	2	
4	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	
<b>II</b>	<b>Tiến độ, kết quả giải quyết</b>	<b>20</b>	
1	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	
<b>III</b>	<b>Cung cấp dịch vụ trực tuyến</b>	<b>22</b>	
1	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	
3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ trực tuyến	6	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
<b>Thanh toán trực tuyến</b>			
4	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	
5	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	2	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
6	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	
<b>IV</b>	<b>Số hóa hồ sơ</b>	<b>22</b>	
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	
4	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	

<b>TT</b>	<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Ghi chú</b>
5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	4	
	Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công		
6	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	
7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	
<b>V</b>	<b>Mức độ hài lòng</b>	<b>18</b>	
1	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	
2	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	
3	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
<b>Tổng điểm tối đa</b>		<b>100</b>	